TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ninh Ngọc Tú.

Ông Nguyễn Công Thanh.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng,tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa***: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng B, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Hoàng D, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng A. Địa chỉ: Số xxx, phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A: Ông Nguyễn P, chức vụ: Phó giám đốc, Phòng giao dịch B, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/6/2023). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hoàng B trình bày:

Bà Hoàng B và ông Hoàng D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vào ngày 21/3/2003. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn, từ đầu năm 2004, cuộc sống vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn do ông D đi làm nhưng thi thoảng mới về nhà, đưa ít tiền rồi lại đi, một mình nguyên đơn ở nhà làm nông nghiệp và nuôi con. Ông D thường xuyên đi làm xa nhà, không dành thời gian quan tâm, chăm sóc vợ con, lâu ngày dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Nguyên đơn có chia sẻ nhưng ông D không thay đổi, do đó cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thường xuyên cãi chửi xúc phạm nhau, đánh nhau và đã được thôn hòa giải nhiều lần. Từ tháng 12/2021 đến nay vợ chồng sống ly thân, từ khi ly thân không ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, xác định tình cảm vợ chồng không còn bà Hoàng B yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung, con lớn Hoàng H sinh ngày 25/12/2003, đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; con nhỏ Hoàng M sinh ngày 26/12/2005, hiện nay đang ở với nguyên đơn, khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu M đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về số nợ tại Ngân hàng A, năm 2020, vợ chồng vay 02 lần với tổng số tiền 70.000.000 đồng *(theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 18/8/2020, vay 50.000.000 đồng và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 18/11/2020, vay 20.000.000 đồng)* về để xây nhà, đã trả được 10.000.000 đồng, hiện nay còn nợ 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Ban đầu nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả toàn bộ do bị đơn được ở căn nhà mượn tiền để xây, sau đó nguyên đơn đồng ý chia đôi số nợ. Tuy nhiên, hai khoản vay trên đến ngày 23/8/2025 và 23/11/2025 mới đến hạn trả, do đó tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu giải quyết khoản nợ này nữa và đồng ý với ý kiến của đại diện ngân hàng là nguyên đơn và bị đơn tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

Do đó, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của ông Hoàng D: Quá trình giải quyết vụ án ban đầu khi viết bản tự khai và lấy lời khai bị đơn ông Hoàng D nhất trí với các yêu cầu của nguyên đơn về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý về việc ly hôn, nuôi con, cũng như bị đơn tự có trách nhiệm trả nợ ngân hàng như hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 07 tháng 7 năm 2023, ông Hoàng D thay đổi ý kiến, vẫn đồng ý về việc ly hôn và nuôi con nhưng không đồng ý tự trả số nợ 60.000.000 đồng cho ngân hàng mà yêu cầu hai vợ chồng có trách nhiệm mỗi người trả một nửa. Từ sau phiên hòa giải trên ông Hoàng D không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án và có đơn gửi qua đường bưu điện tiếp tục thay

đổi ý kiến, không đồng ý ly hôn đề nghị Tòa án trả lại đơn và đình chỉ giải quyết vụ án để hai vợ chồng tự giải quyết.

Ý kiến của Ngân hàng A: Yêu cầu bà Hoàng B và ông Hoàng D tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; bà Hoàng B được ly hôn với ông Hoàng D. Về con chung: Con lớn Hoàng H đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết; bà Hoàng B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con nhỏ Hoàng M đến khi đủ 18 tuổi, ông Hoàng D không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, không xem xét giải quyết đối với khoản nợ ngân hàng vì ngoài phạm vi khởi kiện và Tòa án chưa thụ lý để giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Hoàng D, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A. Xét thấy, những người vắng mặt đã có đơn xin vắng mặt hoặc được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng B và ông Hoàng D, đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 3 năm 2003, tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Về yêu cầu ly hôn: Hai bên thừa nhận cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ tháng 12/2021 vợ chồng sống ly thân, từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm, hỏi thăm gì về nhau, người nào chỉ biết bổn phận của người đó. Mâu thuẫn trên phù hợp với biên bản xác minh ngày 01/8/2023. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Hoàng B và ông Hoàng D có 02 người con chung, con lớn Hoàng H sinh ngày 25/12/2003, con nhỏ Hoàng M sinh ngày 26/12/2005. Xét thấy, con lớn Hoàng H đã trưởng thành (trên 18 tuổi), có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với con nhỏ Hoàng M, từ khi ly thân năm 2021 đến nay, nguyên đơn một mình nuôi con chung; từ sau phiên hòa giải ngày 07 tháng 7 năm 2023, bị đơn không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án điều đó thể hiện bị đơn là người không có trách nhiệm

trong cuộc sống. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nguyên đơn chưa yêu cầu nên bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về vay nợ tại ngân hàng: Xét thấy, theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, thì hai khoản vay của nguyên đơn, bị đơn đến ngày 23/8/2025 và 23/11/2025 mới đến hạn trả ngân hàng. Vì vậy, ý kiến của nguyên đơn và ý kiến của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng đã ký kết, là phù hợp theo nội dung hợp đồng tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết khoản nợ này.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau khi ly hôn nếu có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

[6] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự để nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng B được ly hôn với ông Hoàng D.

2. Về con chung: Bà Hoàng B và ông Hoàng D có 02 người con chung con lớn Hoàng H sinh ngày 25/12/2003, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; con nhỏ Hoàng M sinh ngày 26/12/2005, sau khi ly hôn bà Hoàng B được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Hoàng M, đến khi đủ 18 tuổi. Ông Hoàng D không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Hoàng B chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau khi ly hôn nếu có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Hoàng B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà Hoàng B đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0004542 ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Hải Đoàn